

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/DS-ST
Ngày 05-01-2024
V/v Tranh chấp dân sự hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thái Quân

Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 258/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 353/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Như T**, sinh năm 1964.

HKTT: **Thôn C, xã V, Thành Phố L, tỉnh Lào Cai**

Hiện trú tại: **ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.**

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Phạm Thảo H**, sinh năm 1996 có địa chỉ **ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang** làm đại diện theo uỷ quyền, giấy uỷ quyền lập ngày 06/10/2023.

Bị đơn: Ông **Phạm Hữu Đ**, sinh năm 1984.

Trú tại: **tổ I, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.**

(Ông **T** có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2023, quá trình tố tụng nguyên đơn ông **Trần Như T** do ông **Phạm Thảo H** đại diện trình bày:

Do là hàng xóm của nhau nên ngày 14/01/2023 ông **Trần Như T** có cho ông **Phạm Hữu Đ** vay số tiền 50.000.000đồng, ngày 23/02/2023 vay thêm 50.000.000đồng, cả hai lần vay đều có làm biên nhận nợ, lãi suất thoả thuận khi vay là 3%/ tháng, mục đích vay phục vụ cho việc làm ăn, thời hạn trả lãi vào ngày 01 hàng tháng, thời gian trả gốc khi ông **T** có nhu cầu thì ông **Đ** sẽ trả lại tiền đã mượn.

Ngày 06/03/2023 ông **T** chuyển khoản cho ông **Đ** số tiền 5.000.000đồng, ngày 28/03/2023 tiếp tục chuyển khoản cho ông **Đ** số tiền 10.000.000đồng. Tổng cộng các khoản vay là 115.000.000đồng. Trong quá trình vay thì ông **Đ** thực hiện nghĩa vụ trả lãi được 6.000.000đồng đến ngày 18/6/2023, sau ngày 18/6/2023 ông **Đ** không trả lãi, vốn cho ông **T** thêm một lần nào. Nay ông **T** do ông **H** đại diện yêu cầu ông **Đ** trả lại số tiền vốn của các lần vay tổng cộng là 115.000.000đồng, lãi theo quy định pháp luật từ ngày 18/6/2023 đến khi xét xử xong.

*Bị đơn ông **Phạm Hữu Đ** trình bày:*

Tôi **Phạm Hữu Đ** thống nhất phần trình bày của ông **Trần Như T** do ông **Phạm Thảo H** làm đại diện, chữ ký tên ghi họ tên và nội dung trong các biên nhận nợ là tôi **Đ** tự ghi, thừa nhận còn nợ ông **T** số tiền vốn vay 115.000.000đồng, tiền lãi không có khả năng trả, ông **Đ** vay tiền ông **T** để tiêu xài cá nhân hoàn toàn không có việc phục vụ cho công việc làm ăn

Do hiện tại đi làm xa xin được vắng mặt trong các lần Toà án mời làm việc, hoà giải cho đến khi vụ án được xét xử xong.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông **Trần Như T** rút lại yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu ông **Phạm Hữu Đ** trả tiền vốn vay 115.000.000đồng, ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông **Trần Như T** tranh chấp với bị đơn ông **Phạm Hữu Đ** số tiền vay 115.000.000đồng nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông **Đ** có nơi cư trú tại **ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang** nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông **Đ** đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông **Đ** theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại yêu cầu trả lãi, chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền vốn vay 115.000.000đồng, vì thế Hội đồng xét xử đình chỉ là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 244 bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trần Như T** yêu cầu bị đơn ông **Phạm Hữu Đ** trả số tiền vốn vay còn nợ 115.000.000đồng và để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, nguyên đơn cung cấp hai giấy nhận nợ ngày 14/01/2023 vay số tiền 50.000.000đồng, ngày 23/02/2023 vay số tiền 50.000.000đồng đều có chữ ký tên, ghi họ và tên ông **Phạm Hữu Đ** và các chứng từ giao dịch chuyển khoản cho ông **Phạm Hữu Đ** hai lần số tiền 15.000.000đồng tại phiên hoà giải ngày 07/11/2023 ông **Đ** thừa nhận còn nợ ông **T** số tiền vốn vay 115.000.000đồng, hiện tại hoàn cảnh khó khăn không có khả năng trả lãi. Điều này hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự là tình tiết sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL - UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trần Như T**.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trần Như T** về yêu cầu trả tiền lãi vay

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trần Như T** về hợp đồng vay tài sản

Buộc ông **Phạm Hữu Đ** trả cho ông **Trần Như T** số tiền vốn vay còn nợ 115.000.000đồng(một trăm mười lăm triệu đồng)

Kể từ ngày ông **T** có đơn yêu cầu thi hành án, ông **Đ** không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 của số tiền chậm thi hành án.

Ông **Phạm Hữu Đ** phải chịu 5.750.000đồng (Năm triệu bảy trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông **Trần Như T** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông **T** số tiền 2.800.000đồng(Hai triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0006463** ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Các đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Thảo